

TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định hỗ trợ hoạt động của
Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

a) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (điểm c khoản 1 Điều 21) quy định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

b) Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (điểm 1 khoản 9 Điều 31) quy định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

c) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Trong đó đặt ra mục tiêu đến năm 2030: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới”; “Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”.

d) Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định

hướng đến năm 2030; theo đó đã xác định quan điểm sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

đ) Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; trong đó có nhiệm vụ thiết lập và đẩy mạnh hoạt động mạng lưới chuyển đổi số từ Trung ương đến cơ sở, bao gồm các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng.

e) Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

g) Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh; trong đó nêu rõ việc phát huy vai trò nòng cốt của các Tổ công nghệ số cộng đồng trong triển khai thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân” thực hành kỹ năng số.

h) Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030”.

2. Cơ sở thực tiễn

Để đáp ứng yêu cầu triển khai công tác chuyển đổi số tại các xã, phường của tỉnh sau sắp xếp theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030” kèm theo Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Theo đó, 100% Ủy ban nhân dân xã, phường đã ban hành quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng. Đây chính là lực lượng nòng cốt, trực tiếp triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở trên cả 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, với các nhiệm vụ trọng tâm như: hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, định danh điện tử VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt; phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân; hỗ trợ phát triển thương mại điện tử; tham gia triển khai mô hình “Xã hạt nhân về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”; tuyên truyền, nhận diện và phòng, chống lừa đảo công nghệ...

Tuy nhiên, Tổ công nghệ số cộng đồng chưa được bố trí kinh phí để hoạt động nên gặp khó khăn trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Vì vậy, việc xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về hỗ trợ hoạt động đối với Tổ công nghệ số cộng đồng là cần thiết nhằm bảo đảm các điều kiện để Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần thực

hiện các mục tiêu, yêu cầu về chuyển đổi số tại cơ sở.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Quy định hỗ trợ cho hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm động viên, khuyến khích và bảo đảm các điều kiện để Tổ công nghệ số cộng đồng triển khai hiệu quả các nhiệm vụ theo định hướng, kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, góp phần hoàn thành Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và đồng bộ của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.

- Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục, thể thức và kỹ thuật xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

- Phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2026, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng trình tự quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (dự thảo, tổ chức lấy ý kiến tham gia; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai; gửi Sở Tư pháp thẩm định, tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo). Trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị đối với dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ cho các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030.

b) Đối tượng áp dụng

Tổ trưởng, tổ phó, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập

theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh.

2. Bộ cục của dự thảo văn bản

Nội dung chính của Nghị quyết dự kiến gồm các điều sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Nội dung, mức hỗ trợ.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

Điều 5. Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo

- Hỗ trợ hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan trong hệ thống chính trị ở cơ sở và các thôn, làng, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai, với mức hỗ trợ 12.000.000 đồng/Tổ/tháng.

- Thời gian thực hiện: Từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết năm 2030.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Nguồn lực, điều kiện để đảm bảo cho việc thi hành văn bản:

Tổng kinh phí thực hiện Nghị quyết: 12.000.000 đồng/tổ/tháng x 135 Tổ x 12 tháng = 19.440.000.000 đồng/năm.

Nguồn kinh phí: ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) theo quy định.

2. Thời gian dự kiến ban hành: kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026-2031, dự kiến tổ chức trong tháng 4/2026.

(Hồ sơ gửi kèm gồm: Dự thảo Nghị quyết; Bảng tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình, ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân của dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; Bản đánh giá tác động của chính sách; Bảng so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết).

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH-CN, TC;
- LĐ, CV VPUBND tỉnh;
- Phòng Nội chính: C5;
- Lưu: VT, PVHCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng
trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Thực hiện Kế hoạch hành động số 22-KH/TU của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 403/TTr-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 50/BC-KTNS ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng: Tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường.

Điều 2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan trong hệ thống chính trị ở cơ sở và các thôn, làng, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai, với mức hỗ trợ 12.000.000 đồng/Tổ/tháng.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) theo quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT(01), CTHĐ (4).

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ;

Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo nội dung có liên quan đến dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, nội dung cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; theo đó đã xác định quan điểm sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phê duyệt tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, xác định rõ giải pháp tổ chức Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng khối phố, thôn, bản với các tổ viên là cán bộ kiêm nhiệm và các thành viên tại chỗ năng nổ, nhiệt tình, được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Việt Nam”, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ rộng khắp trên toàn quốc.

Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; trong đó có nhiệm vụ thiết lập và đẩy mạnh hoạt động Mạng lưới chuyển đổi số từ Trung ương đến cơ sở, bao gồm các thành viên Tổ CNSCĐ.

Công văn số 793/BTTTT-THH ngày 05/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành hướng dẫn triển khai thí điểm mô hình Tổ công nghệ

số cộng đồng tại các thôn, bản, tổ dân phố; theo đó mỗi Tổ CNSCĐ gồm Trưởng thôn/bản, Tổ trưởng tổ dân phố và các nhân sự (khuyến nghị có sự tham gia của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) có lòng nhiệt tình hoạt động cộng đồng, có tư duy muốn chấp nhận và thử nghiệm cái mới, có kỹ năng sử dụng nền tảng số, công nghệ số, có khả năng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số.

Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 21/3/2025, Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã ban hành về Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”, yêu cầu “Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai toàn diện, sâu rộng đến tận thôn, bản, tổ dân phố, tạo nên cuộc vận động toàn dân thi đua học tập, rèn luyện kỹ năng số, tích cực tham gia vào tiến trình chuyển đổi số”; và chọn mô hình “Tổ công nghệ số cộng đồng” là một trong những mô hình có tính lan tỏa để triển khai phong trào nhằm: “Phát huy cao độ vai trò, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng đã được thành lập trong triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, những nơi có điều kiện khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm mọi người dân đều được phổ cập kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số”. Bên cạnh đó Kế hoạch cũng đã chỉ đạo triển khai Xây dựng kế hoạch Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”.

Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy Gia Lai triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 24/4/2025 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”, xác định Tổ CNSCĐ là lực lượng nòng cốt thực hiện theo phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân”.

Kế hoạch số 19/KH-UBND tỉnh ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026; theo đó chỉ tiêu đến 2026, tỉnh Gia Lai cần hoàn thành các chỉ tiêu: 100% người dân trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, tham gia tương tác, an toàn trên môi trường số; Phần đầu 90% người dân trong độ tuổi trưởng thành được xác nhận đạt phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VneID.

II. THỰC TRẠNG QUAN HỆ XÃ HỘI

1. Từ cuối năm 2021, trên cơ sở yêu cầu về triển khai công tác chuyển đổi số tại cơ sở, Tổ CNSCĐ đã được thành lập và tổ chức triển khai hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp). Cụ thể:

1.1. Tỉnh Bình Định: Thực hiện Đề án 5299 thì mỗi địa phương có bố trí kinh phí hằng năm để thực hiện:

+ Tổ công nghệ số thanh niên: Mỗi “Tổ công nghệ số thanh niên” có 16 thành viên (trong đó đồng chí Bí thư Đoàn các xã, phường là Tổ trưởng, các đồng chí Bí thư các Chi đoàn tại cơ sở, ĐVTN tại địa phương là thành viên). Tùy theo tình hình thực tế tại địa phương, Tổ CNSCĐ triển khai ra quân, trong đó bắt buộc định kỳ hằng tháng ra quân cao điểm 02 ngày Thứ 7 và Chủ nhật.

Kinh phí hỗ trợ các thành viên Tổ CNSCĐ bao gồm: Hỗ trợ tiền xăng (20.000 đồng/người/ngày); Hỗ trợ nước uống (10.000 đồng/người/ngày); Hỗ trợ phí Data (5.000 đồng/người/ngày).

+ “Đội thanh niên tình nguyện thực hiện dịch vụ công trực tuyến” hoạt động tại Bộ phận Một cửa các xã, phường, mỗi “Đội thanh niên tình nguyện thực hiện dịch vụ công trực tuyến” có 06 thành viên (trong đó đồng chí Bí thư Đoàn các xã, phường là Đội trưởng, các đồng chí Bí thư các Chi đoàn tại cơ sở, ĐVTN tại địa phương là thành viên). Ra quân liên tục tại hệ thống 1 cửa.

Kinh phí hỗ trợ các thành viên báo gồm: Hỗ trợ tiền xăng (50.000 đồng/người/tháng); Hỗ trợ điện thoại và phí Data (50.000 đồng/người/tháng).

1.2. Tỉnh Gia Lai: Đã thành lập 1.604 Tổ CNSCĐ và 5.007 thành viên tham gia Tổ CNSCĐ cấp xã, thôn, phố để hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, VNeID, an toàn thông tin mạng...

2. Sau sáp nhập tỉnh, triển khai thực hiện Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030” (Đề án 3306); theo đó, 100% UBND cấp xã, phường đã ban hành Quyết định thành lập, kiện toàn Tổ CNSCĐ tại địa phương và phối hợp với Tỉnh đoàn trong công tác quản lý, chỉ đạo, phân công nhiệm vụ và theo dõi hoạt động của Tổ. Đến nay, có 135/135 xã, phường đã ban hành Quyết định thành lập, kiện toàn Tổ CNSCĐ, với 1.255 thành viên.

Trong bối cảnh nhiệm vụ chuyển đổi số ngày càng sâu rộng, yêu cầu duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục của Tổ CNSCĐ đặt ra nhu cầu có chính sách hỗ trợ ổn định, thống nhất trên toàn tỉnh, góp phần tạo động viên, khuyến khích, thể hiện sự quan tâm chỉ đạo, cũng như đồng hành của chính quyền trong hoạt động của Tổ, tạo động lực thành viên Tổ CNSCĐ tích cực tham gia hoạt động triển khai chuyển đổi số tại địa phương.

Tuy nhiên, hiện nay tỉnh chưa có văn bản quy phạm pháp luật ở cấp tỉnh quy định thống nhất chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ CNSCĐ; việc bảo đảm nguồn lực thực hiện chủ yếu lồng ghép trong các chương trình, nhiệm vụ hoặc huy động theo khả năng của địa phương. Điều này dẫn đến một số khó khăn, hạn chế: (i) chưa có cơ sở pháp lý ổn định để bố trí, tổng hợp dự toán và quản lý kinh phí hỗ trợ Tổ CNSCĐ; (ii) mức độ quan tâm, điều kiện bảo đảm giữa các địa phương có thể chưa đồng đều; (iii) khó gắn hỗ trợ với nhiệm vụ, kết quả/KPI theo Đề án 3306 và các chỉ tiêu chuyển đổi số của tỉnh.

Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ CNSCĐ là cần thiết để tạo cơ sở pháp lý và bảo đảm nguồn lực thực thi.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ CNSCĐ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, bảo đảm phù hợp thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Sở Khoa học và Công nghệ kính trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- VP UBND tỉnh;
- Tỉnh đoàn Gia Lai;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc và các PGĐ Sở KHCN;
- Thành viên Tổ soạn thảo;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Lưu: VT, P.CĐS&BCVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Thảo

PHỤ LỤC

(Đính kèm theo Báo cáo số /BC-SKHCN ngày tháng năm 2026
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Quy định nội dung và mức chi phục vụ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn thành phố	- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; theo đó đã xác định quan điểm sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số. - Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phê duyệt tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, xác định rõ giải pháp tổ chức Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng khối phố, thôn, bản với các tổ viên là cán bộ kiêm nhiệm và các thành viên tại chỗ năng nổ, nhiệt tình, được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Việt Nam”, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ rộng khắp trên toàn quốc. - Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; trong đó có nhiệm vụ thiết lập và đẩy mạnh hoạt động Mạng lưới chuyển đổi số từ Trung ương đến cơ sở, bao gồm các thành viên Tổ CNSCĐ. - Công văn số 793/BTTTT-THH ngày 05/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền	Đã thể chế một phần chủ trương, đường lối của Đảng	

	thông đã ban hành hướng dẫn triển khai thí điểm mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, bản, tổ dân phố; - Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia - Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 21/3/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã ban hành về Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”: <i>“Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai toàn diện, sâu rộng đến tận thôn, bản, tổ dân phố, tạo nên cuộc vận động toàn dân thi đua học tập, rèn luyện kỹ năng số, tích cực tham gia vào tiến trình chuyển đổi</i>		
--	---	--	--

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Quy định nội dung và mức chi phục vụ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh.	Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật sửa đổi bổ sung năm 2025 quy định HĐND tỉnh quy định chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	Đảm bảo hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất	Ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai
Quy định quy trình thực hiện	Luật Ngân sách nhà nước		

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành pháp luật liên quan Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ;

Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật liên quan Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, nội dung cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến xây dựng chính sách

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu và là yêu cầu khách quan đối với mọi quốc gia nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện hiệu quả quản trị nhà nước và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. Nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang đẩy mạnh xây dựng chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; trong đó đặc biệt coi trọng việc phổ cập kỹ năng số cho người dân, thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, miền và các nhóm dân cư, phát huy vai trò của cộng đồng cơ sở trong việc hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng và dịch vụ số. Thực tiễn quốc tế cho thấy, chuyển đổi số không chỉ là nhiệm vụ của cơ quan nhà nước hay doanh nghiệp công nghệ mà đòi hỏi sự tham gia tích cực, chủ động của toàn xã hội, nhất là ở cấp cơ sở – nơi trực tiếp tiếp xúc, hướng dẫn, hỗ trợ người dân trong quá trình sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, định danh điện tử và các nền tảng số thiết yếu khác. Đây là cơ sở quan trọng để Việt Nam nghiên cứu, tổ chức triển khai các mô hình mạng lưới chuyển đổi số từ Trung ương đến cơ sở, trong đó có mô hình Tổ Công nghệ số cộng đồng.

Ở trong nước, Đảng và Nhà nước đã sớm xác định chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa chiến lược trong quá trình phát triển đất nước. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã khẳng định quan điểm “sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành

động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân” là yếu tố bảo đảm thành công của chuyển đổi số. Tiếp đó, Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định rõ giải pháp tổ chức Tổ Công nghệ số cộng đồng đến từng thôn, bản, tổ dân phố với các thành viên tại chỗ, có kỹ năng số để phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Viet Nam”, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ rộng khắp trên toàn quốc. Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ thiết lập và đẩy mạnh hoạt động mạng lưới chuyển đổi số từ Trung ương đến cơ sở, bao gồm các thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng, nhằm kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số.

Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã đặt ra yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của Nhân dân trong phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”, yêu cầu phong trào được thực hiện toàn diện, sâu rộng đến tận thôn, bản, tổ dân phố, tạo nên cuộc vận động toàn dân thi đua học tập, rèn luyện kỹ năng số, trong đó lựa chọn mô hình Tổ Công nghệ số cộng đồng là lực lượng nòng cốt với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”. Như vậy, việc củng cố, duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng không chỉ là yêu cầu thực tiễn mà còn là nhiệm vụ chính trị gắn với việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số.

Tại tỉnh Gia Lai, thực hiện các chủ trương, định hướng của Trung ương, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy Gia Lai triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 24/4/2025 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” đã xác định Tổ Công nghệ số cộng đồng là lực lượng nòng cốt trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phổ cập kỹ năng số cho người dân trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030” đã cụ thể hóa vai trò của lực lượng đoàn viên, thanh niên trong tham gia Tổ Công nghệ số cộng đồng.

Thực tiễn triển khai cho thấy, đến nay 100% Ủy ban nhân dân cấp xã, phường trên địa bàn tỉnh đã ban hành quyết định thành lập, kiện toàn Tổ Công nghệ số cộng đồng; các Tổ đã tích cực tham gia hỗ trợ người dân sử dụng dịch

vụ công trực tuyến, định danh điện tử VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt, tuyên truyền bảo đảm an toàn thông tin mạng và phổ cập kỹ năng số cơ bản. Tuy nhiên, trong bối cảnh nhiệm vụ chuyển đổi số ngày càng sâu rộng, yêu cầu duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục của Tổ Công nghệ số cộng đồng đặt ra nhu cầu phải có cơ chế, chính sách hỗ trợ ổn định, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh. Hiện nay, tỉnh chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể, thống nhất về chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng; việc bảo đảm nguồn lực chủ yếu lồng ghép trong các chương trình, nhiệm vụ hoặc huy động theo khả năng của từng địa phương, dẫn đến thiếu cơ sở pháp lý ổn định để bố trí dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí và bảo đảm tính đồng bộ, công bằng giữa các địa phương.

Từ bối cảnh quốc tế và trong nước nêu trên, cùng với yêu cầu thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết, phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, góp phần bảo đảm cơ sở pháp lý, nguồn lực thực hiện, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật về chuyển đổi số tại cơ sở, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương trong giai đoạn 2026 – 2030.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành; căn cứ Chương trình công tác trọng tâm năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về ban hành Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030”, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc tổng kết thi hành pháp luật liên quan đến hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở tham mưu xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Tỉnh đoàn Gia Lai, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường để thu thập thông tin, đánh giá tình hình thực tiễn triển khai hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng. Nội dung tổng kết tập trung vào việc rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và của tỉnh có liên quan đến tổ chức, hoạt động, cơ chế bảo đảm nguồn lực cho Tổ Công nghệ số cộng đồng; đánh giá việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về chuyển đổi số tại cơ sở; phân tích những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình triển khai.

Quá trình tổng kết được thực hiện thông qua nhiều hình thức như: Đề nghị các địa phương rà soát báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và nhu cầu hỗ trợ

đối với Tổ Công nghệ số cộng đồng¹; tổ chức làm việc, trao đổi trực tiếp với một số địa phương; tổng hợp số liệu về số lượng Tổ Công nghệ số cộng đồng, số lượng thành viên, nội dung hoạt động, kết quả hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt, phổ cập kỹ năng số và bảo đảm an toàn thông tin mạng. Đồng thời, Sở Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu kinh nghiệm triển khai và cơ chế hỗ trợ của một số địa phương khác trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, trong đó có việc tham khảo mô hình hỗ trợ theo ngày công, hỗ trợ chi phí xăng xe, dữ liệu di động, để làm căn cứ so sánh, đánh giá tính phù hợp, khả thi khi áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai sau sắp xếp.

Bên cạnh việc đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện rà soát tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của việc ban hành chính sách hỗ trợ theo thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; đối chiếu với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để xác định cơ sở pháp lý, thẩm quyền, hình thức văn bản và nội dung chính sách có thể quy định. Đồng thời, phối hợp với Sở Tài chính đánh giá khả năng cân đối ngân sách địa phương, phương thức bố trí kinh phí, nguyên tắc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, tránh trùng lặp với các chế độ, chính sách hiện hành.

Trên cơ sở kết quả tổng hợp, phân tích, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết; xác định rõ khoảng trống pháp lý trong việc quy định chính sách hỗ trợ đối với thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng; chỉ ra những khó khăn phát sinh do chưa có cơ chế hỗ trợ ổn định, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh, như: việc bố trí kinh phí còn lồng ghép, thiếu tính bền vững; mức độ quan tâm giữa các địa phương chưa đồng đều; khó gắn trách nhiệm, nhiệm vụ với kết quả thực hiện trong bối cảnh yêu cầu chuyển đổi số ngày càng cao.

Quá trình tổng kết cũng gắn với việc lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với dự thảo chính sách; tiếp thu, giải trình, hoàn thiện nội dung dự thảo theo đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Các ý kiến góp ý tập trung vào sự cần thiết ban hành chính sách, nguyên tắc hỗ trợ, mức hỗ trợ phù hợp với điều kiện ngân sách địa phương, quy trình thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan trong tổ chức triển khai. Trên cơ sở đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo thẩm quyền.

Nhìn chung, quá trình tổng kết việc thi hành pháp luật liên quan đến hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm tuân

¹ Văn bản số 02032/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 29/11/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc rà soát, kiện toàn, thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương

thủ quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị; phản ánh tương đối đầy đủ, khách quan thực trạng tổ chức và hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh. Kết quả tổng kết là cơ sở thực tiễn và pháp lý quan trọng để tham mưu xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng, bảo đảm tính cần thiết, tính hợp pháp, tính khả thi và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Gia Lai trong giai đoạn 2026 – 2030.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở các văn bản của Trung ương về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển kinh tế số và xã hội số, Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và mạng lưới chuyển đổi số từ Trung ương đến cơ sở, cũng như các kế hoạch của Ban Chỉ đạo Trung ương về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”, tỉnh đã cụ thể hóa bằng các kế hoạch, đề án, chương trình hành động phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

Tỉnh ủy Gia Lai đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định rõ Tổ Công nghệ số cộng đồng là lực lượng nòng cốt tại cơ sở với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân” thực hành kỹ năng số. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện; giao Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tham mưu, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở, phối hợp chặt chẽ với Tỉnh đoàn Gia Lai và các sở, ngành, địa phương có liên quan.

Thực hiện Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030”, Ủy ban nhân dân cấp xã đã ban hành quyết định thành lập, kiện toàn Tổ Công nghệ số cộng đồng tại địa phương; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; bảo đảm sự phối hợp giữa chính quyền cơ sở với tổ chức Đoàn Thanh niên trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động. Đến nay, 100% xã, phường trên địa bàn tỉnh đã thành lập, kiện toàn Tổ Công nghệ số cộng đồng theo quy định, từng bước đưa hoạt động đi vào nền nếp.

Sở Khoa học và Công nghệ, với vai trò cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, đã chủ động ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số thiết yếu khác. Đồng thời, thường xuyên theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động, đánh giá kết quả thực hiện tại các địa phương, kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

Bên cạnh công tác chỉ đạo chuyên môn, việc tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng được thực hiện gắn với yêu cầu cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu. Ủy ban nhân dân các cấp đã lồng ghép nhiệm vụ của Tổ Công nghệ số cộng đồng vào kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của địa phương; bố trí nguồn lực trong khả năng cân đối ngân sách; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và môi trường hoạt động. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua hệ thống báo cáo định kỳ, chuyên đề; đồng thời gắn kết quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng với việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của địa phương.

Tuy nhiên, qua quá trình chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành các văn bản liên quan, thực tiễn cũng cho thấy một số khó khăn, hạn chế, nhất là việc chưa có văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thống nhất về chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng. Việc bảo đảm kinh phí chủ yếu thực hiện theo hình thức lồng ghép hoặc vận dụng trong khuôn khổ các chương trình, nhiệm vụ hiện có, dẫn đến thiếu tính ổn định, chưa tạo được động lực lâu dài cho thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng, nhất là trong bối cảnh nhiệm vụ chuyển đổi số ngày càng mở rộng, yêu cầu cao về cường độ, chất lượng và tính thường xuyên của hoạt động.

Từ thực tiễn công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, có thể khẳng định rằng hệ thống văn bản của Trung ương và của tỉnh đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho việc hình thành và duy trì hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, để bảo đảm đồng bộ, thống nhất, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn 2026 – 2030, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng là cần thiết, nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, bảo đảm nguồn lực và tăng cường trách nhiệm trong tổ chức thực hiện tại các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

Trong thời gian qua, việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và các văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh liên quan đến phát triển

khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được triển khai nghiêm túc, đồng bộ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thành lập, tổ chức và duy trì hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng tại cơ sở. Các quy định tại Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển kinh tế số và xã hội số, Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và mạng lưới chuyển đổi số từ Trung ương đến cơ sở, cùng với các kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh đã được quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

Trên cơ sở đó, hệ thống Tổ Công nghệ số cộng đồng đã được thành lập, kiện toàn tại 100% xã, phường trên địa bàn tỉnh; số lượng Tổ và thành viên tham gia được duy trì ổn định theo từng giai đoạn sắp xếp đơn vị hành chính. Các Tổ đã tích cực tham gia hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, hướng dẫn cài đặt và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID, tuyên truyền và hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt, phổ cập kỹ năng số cơ bản, cảnh báo nguy cơ mất an toàn thông tin, phòng, chống lừa đảo trên không gian mạng; đồng thời tham gia cập nhật, báo cáo dữ liệu phục vụ công tác theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả chuyển đổi số của địa phương. Qua đó, nhận thức của người dân về chuyển đổi số từng bước được nâng cao; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số thiết yếu và các tiện ích số trong đời sống xã hội có chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh.

Việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan cũng đã thể hiện rõ một số ưu điểm nổi bật. Thứ nhất, hệ thống văn bản của Trung ương đã kịp thời định hướng, xác lập mô hình tổ chức Tổ Công nghệ số cộng đồng, tạo căn cứ pháp lý để các địa phương triển khai thống nhất. Thứ hai, các kế hoạch, đề án của tỉnh đã chủ động cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Trung ương, gắn nhiệm vụ của Tổ Công nghệ số cộng đồng với mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội và yêu cầu thực tiễn tại địa phương, nhất là trong triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”. Thứ ba, công tác phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ, Tỉnh đoàn Gia Lai và Ủy ban nhân dân các cấp được duy trì tương đối chặt chẽ, góp phần đưa hoạt động của Tổ từng bước đi vào nề nếp. Thứ tư, dù chưa có chính sách hỗ trợ thống nhất ở cấp tỉnh, nhiều địa phương đã chủ động lồng ghép nguồn lực, bố trí kinh phí trong khả năng cân đối để bảo đảm duy trì hoạt động, thể hiện sự quan tâm, trách nhiệm của chính quyền cơ sở đối với nhiệm vụ chuyển đổi số.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thi hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan cũng bộc lộ một số bất cập, hạn chế cần được xem xét, khắc phục. Trước hết, các văn bản của Trung ương chủ yếu quy định mang tính định hướng, khuyến khích, chưa quy định cụ thể về cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng; do đó, việc triển khai tại địa phương còn phụ thuộc vào điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương. Thứ hai, trên địa bàn tỉnh Gia Lai hiện chưa có văn bản quy phạm pháp

luật của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thống nhất về nội dung, mức chi và nguyên tắc hỗ trợ đối với hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng; việc bảo đảm kinh phí chủ yếu lồng ghép trong các chương trình, nhiệm vụ khác hoặc huy động theo khả năng của địa phương, dẫn đến thiếu tính ổn định, chưa tạo được động lực lâu dài cho lực lượng tham gia, nhất là trong bối cảnh khối lượng công việc ngày càng gia tăng. Thứ ba, do đặc thù thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng phần lớn là lực lượng kiêm nhiệm, hoạt động trên tinh thần tự nguyện, nên việc duy trì cường độ, chất lượng hoạt động thường xuyên, liên tục còn gặp khó khăn khi chưa có cơ chế hỗ trợ phù hợp gắn với trách nhiệm, nhiệm vụ và kết quả thực hiện. Thứ tư, cơ chế theo dõi, đánh giá, gắn hỗ trợ với hiệu quả hoạt động chưa được quy định cụ thể trong một văn bản quy phạm pháp luật có tính ổn định, lâu dài, gây khó khăn trong công tác quản lý, tổng hợp, bố trí và thanh quyết toán kinh phí.

Những bất cập, hạn chế nêu trên không làm giảm vai trò, ý nghĩa của hệ thống văn bản hiện hành, song cho thấy khoảng trống pháp lý ở cấp địa phương trong việc cụ thể hóa chính sách hỗ trợ đối với Tổ Công nghệ số cộng đồng. Trong điều kiện tỉnh Gia Lai đang đẩy mạnh thực hiện các chỉ tiêu về phổ cập kỹ năng số, nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử và các nền tảng số thiết yếu, yêu cầu đặt ra là phải có cơ chế, chính sách hỗ trợ ổn định, minh bạch, thống nhất trên toàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Từ kết quả thi hành các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, có thể khẳng định rằng việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết, nhằm khắc phục những hạn chế hiện hữu, hoàn thiện cơ sở pháp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật về chuyển đổi số tại cơ sở, đồng thời tạo động lực, điều kiện để lực lượng Tổ Công nghệ số cộng đồng phát huy tốt hơn vai trò nòng cốt trong triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2026 – 2030.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Qua quá trình tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và của tỉnh liên quan đến hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng, đồng thời trên cơ sở tổng hợp thực tiễn triển khai tại các địa phương, việc xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai gặp một số khó khăn, vướng mắc nhất định cả về pháp lý, tổ chức thực hiện và điều kiện bảo đảm nguồn lực.

Trước hết, về cơ sở pháp lý, các văn bản của Trung ương chủ yếu quy định về chủ trương, định hướng, mô hình tổ chức và yêu cầu nhiệm vụ của Tổ Công nghệ số cộng đồng, chưa có quy định cụ thể, thống nhất về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với thành viên Tổ. Do đó, khi địa phương xây dựng chính sách hỗ trợ phải đồng thời bảo đảm đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ngân sách nhà nước và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời không trùng lặp,

chồng chéo với các chế độ, chính sách hiện hành đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và các lực lượng khác. Việc xác định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung và mức chi hỗ trợ cần được cân nhắc kỹ lưỡng để vừa bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật, vừa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Thứ hai, về nguồn lực tài chính, trong điều kiện ngân sách địa phương còn khó khăn, nhu cầu chi cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội ngày càng lớn, việc bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng cần được tính toán thận trọng, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách theo từng năm và từng giai đoạn. Nếu mức hỗ trợ quá thấp sẽ không tạo được động lực khuyến khích; nếu mức hỗ trợ quá cao sẽ tạo áp lực đối với cân đối ngân sách và có thể phát sinh so sánh, kiến nghị từ các lực lượng khác tham gia hoạt động ở cơ sở nhưng chưa có chính sách tương tự. Đây là một trong những khó khăn lớn trong quá trình nghiên cứu, đề xuất chính sách.

Thứ ba, về tổ chức và đặc thù hoạt động, Tổ Công nghệ số cộng đồng là lực lượng chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm, phần lớn là đoàn viên, thanh niên và các cá nhân nhiệt tình tại địa phương, tham gia trên tinh thần tự nguyện. Hoạt động của Tổ mang tính linh hoạt, phụ thuộc vào yêu cầu nhiệm vụ chuyển đổi số từng thời điểm, từng địa bàn; nội dung công việc đa dạng, từ hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt đến phổ cập kỹ năng số và bảo đảm an toàn thông tin mạng. Do đó, việc xác định tiêu chí, căn cứ tính toán mức hỗ trợ theo hướng khoán chi hằng tháng hay theo ngày công, theo nhiệm vụ cụ thể đặt ra yêu cầu phải bảo đảm tính khả thi, dễ tổ chức thực hiện và thuận lợi cho công tác quản lý, thanh quyết toán, tránh phát sinh thủ tục hành chính phức tạp ở cấp cơ sở.

Thứ tư, về công tác quản lý, theo dõi và đánh giá hiệu quả, hiện nay chưa có hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá thống nhất gắn trực tiếp giữa mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Tổ Công nghệ số cộng đồng với cơ chế hỗ trợ tài chính. Trong khi đó, yêu cầu của chuyển đổi số ngày càng cao, gắn với các chỉ tiêu cụ thể như tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ xác thực định danh điện tử, tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt... Nếu không xây dựng được cơ chế gắn trách nhiệm với kết quả thực hiện thì việc hỗ trợ có thể chưa thực sự phát huy hiệu quả như mong muốn. Tuy nhiên, việc xây dựng cơ chế này cũng cần cân nhắc để không tạo thêm áp lực hành chính hoặc hình thức hóa hoạt động báo cáo ở cơ sở.

Thứ năm, do tỉnh Gia Lai có đặc thù địa bàn rộng, nhiều xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin và mức độ tiếp cận công nghệ của người dân còn chênh lệch giữa các khu vực, nên khối lượng công việc và mức độ khó khăn của Tổ Công nghệ số cộng đồng tại từng địa phương không đồng đều. Việc thiết kế chính sách hỗ trợ mang tính thống nhất trên toàn tỉnh nhưng vẫn bảo đảm tính công bằng, phù hợp với đặc

thù từng vùng, từng địa bàn là một vấn đề đặt ra trong quá trình xây dựng Nghị quyết.

Những khó khăn, vướng mắc nêu trên xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về khách quan, chuyển đổi số là lĩnh vực mới, phát triển nhanh, nhiều nội dung còn đang trong quá trình hoàn thiện cơ chế, chính sách ở cấp Trung ương; mô hình Tổ Công nghệ số cộng đồng được triển khai trên phạm vi cả nước nhưng chưa có khung chính sách tài chính thống nhất áp dụng chung. Về chủ quan, công tác tổng hợp, đánh giá đầy đủ chi phí thực tế phục vụ hoạt động của Tổ tại từng địa phương còn hạn chế; kinh nghiệm xây dựng chính sách hỗ trợ đối với lực lượng bán chuyên trách, hoạt động cộng đồng trong lĩnh vực chuyển đổi số còn chưa nhiều; đồng thời phải bảo đảm sự hài hòa với các chính sách hiện hành để tránh chồng chéo, trùng lặp.

Từ thực tiễn nêu trên, có thể thấy việc xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết nhưng đòi hỏi phải được nghiên cứu thận trọng, toàn diện, bảo đảm cân đối giữa yêu cầu tạo động lực, khuyến khích với khả năng nguồn lực của địa phương; giữa tính thống nhất trong quản lý với đặc thù của từng địa bàn; đồng thời bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về thẩm quyền, nội dung và trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Trong quá trình tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chuyển đổi số và triển khai hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, bên cạnh những kết quả đạt được và những khó khăn, vướng mắc đã được nhận diện, thực tiễn còn xuất hiện một số vấn đề mới phát sinh cần được nghiên cứu, xem xét trong quá trình xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng, nhằm bảo đảm tính kịp thời, phù hợp và khả thi của chính sách.

Trước hết, yêu cầu về phổ cập kỹ năng số cho toàn dân ngày càng cao và cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu định lượng gắn với từng giai đoạn phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. Không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thực tiễn hiện nay đặt ra yêu cầu Tổ Công nghệ số cộng đồng phải tham gia sâu hơn vào việc hướng dẫn người dân khai thác các nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử, thanh toán số, sử dụng các ứng dụng phục vụ giáo dục, y tế, an sinh xã hội và bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng. Điều này làm gia tăng khối lượng, phạm vi và tính chất phức tạp của công việc, đòi hỏi thành viên Tổ phải thường xuyên cập nhật kiến thức, kỹ năng mới, đồng thời đặt ra yêu cầu phải có cơ chế hỗ trợ tương xứng với mức độ trách nhiệm và cường độ hoạt động.

Thứ hai, việc triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân” đã làm thay đổi cách thức tổ chức hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng theo hướng chủ động, trực tiếp đến từng hộ gia đình, nhất là tại các xã vùng sâu,

vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực tiễn này phát sinh nhu cầu bảo đảm điều kiện đi lại, kết nối internet, thiết bị phục vụ hướng dẫn tại chỗ; đồng thời làm rõ hơn vai trò của Tổ trong việc thu thập, phản hồi thông tin từ cơ sở để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh. Tuy nhiên, các quy định hiện hành chưa có cơ chế cụ thể để bảo đảm các điều kiện hoạt động này một cách ổn định, lâu dài.

Thứ ba, sau quá trình sắp xếp đơn vị hành chính, quy mô, địa bàn quản lý của một số xã, phường trên địa bàn tỉnh có sự thay đổi, dẫn đến việc tổ chức lại Tổ Công nghệ số cộng đồng theo hướng tinh gọn nhưng vẫn phải bảo đảm bao phủ toàn bộ thôn, làng, tổ dân phố. Sự thay đổi về quy mô địa bàn làm phát sinh yêu cầu điều chỉnh số lượng thành viên, phương thức tổ chức và cơ chế phối hợp giữa chính quyền cơ sở với tổ chức Đoàn Thanh niên và các lực lượng liên quan. Trong khi đó, chính sách hỗ trợ nếu được ban hành cần tính đến yếu tố biến động về tổ chức bộ máy và khả năng điều chỉnh linh hoạt theo thực tế.

Thứ tư, trong bối cảnh chuyển đổi số gắn chặt với cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số, yêu cầu về minh bạch, đo lường, đánh giá hiệu quả hoạt động ngày càng được đặt ra rõ nét. Thực tiễn phát sinh nhu cầu xây dựng cơ chế gắn chính sách hỗ trợ với kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở, như tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ kích hoạt và sử dụng định danh điện tử, mức độ tham gia thanh toán không dùng tiền mặt... Tuy nhiên, việc lượng hóa, theo dõi, xác nhận kết quả ở cấp cơ sở còn gặp khó khăn do hạn chế về hạ tầng dữ liệu, công cụ thống kê và năng lực quản lý, từ đó đặt ra yêu cầu nghiên cứu cơ chế phù hợp, tránh phát sinh thêm thủ tục hành chính phức tạp.

Thứ năm, nhận thức và mức độ sẵn sàng tham gia chuyển đổi số của người dân giữa các khu vực trên địa bàn tỉnh còn chênh lệch; trong khi đó, xu hướng tội phạm công nghệ cao, lừa đảo trực tuyến có chiều hướng gia tăng, đòi hỏi Tổ Công nghệ số cộng đồng không chỉ thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn kỹ năng số mà còn tham gia tuyên truyền, cảnh báo, hỗ trợ người dân nhận diện và phòng, chống rủi ro trên không gian mạng. Đây là nội dung mới, có tính chuyên sâu hơn so với giai đoạn đầu triển khai mô hình, đòi hỏi tăng cường tập huấn, bồi dưỡng và hỗ trợ về chuyên môn.

Thứ sáu, cùng với việc đẩy mạnh xã hội hóa và huy động sự tham gia của doanh nghiệp công nghệ, tổ chức, cá nhân trong hoạt động chuyển đổi số, thực tiễn phát sinh nhu cầu xác định rõ mối quan hệ phối hợp giữa Tổ Công nghệ số cộng đồng với các lực lượng khác, tránh chồng chéo nhiệm vụ, đồng thời bảo đảm tính minh bạch trong việc tiếp nhận, sử dụng các nguồn hỗ trợ hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước. Điều này đòi hỏi Nghị quyết khi xây dựng cần dự liệu cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí và nguyên tắc không trùng lặp với các khoản chi hỗ trợ khác.

Những vấn đề mới phát sinh nêu trên phản ánh sự phát triển nhanh, sâu rộng của nhiệm vụ chuyển đổi số và yêu cầu hoàn thiện thể chế ở cấp địa phương để đáp ứng kịp thời thực tiễn. Do đó, trong quá trình xây dựng Nghị

quyết quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cần nghiên cứu, dự báo đầy đủ các yếu tố biến động; bảo đảm chính sách có tính linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế, đồng thời tạo nền tảng pháp lý vững chắc để nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật về chuyển đổi số tại cơ sở trong giai đoạn 2026 – 2030 và các năm tiếp theo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ CNSCĐ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, bảo đảm phù hợp thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Sở Khoa học và Công nghệ kính trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- VP UBND tỉnh;
- Tỉnh đoàn Gia Lai;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc và các PGĐ Sở KHCN;
- Thành viên Tổ soạn thảo;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Lưu: VT, P.CĐS&BCVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Thảo

PHỤ LỤC

(Đính kèm theo Báo cáo số /BC-SKHCN ngày tháng năm 2026
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Quy định nội dung và mức chi phục vụ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn thành phố	- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; theo đó đã xác định quan điểm sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số. - Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phê duyệt tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, xác định rõ giải pháp tổ chức Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng khối phố, thôn, bản với các tổ viên là cán bộ kiêm nhiệm và các thành viên tại chỗ năng nổ, nhiệt tình, được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Việt Nam”, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ rộng khắp trên toàn quốc. - Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; trong đó có nhiệm vụ thiết lập và đẩy mạnh hoạt động Mạng lưới chuyển đổi số từ Trung ương đến cơ sở, bao gồm các thành viên Tổ CNSCĐ. - Công văn số 793/BTTTT-THH ngày 05/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền	Đã thể chế một phần chủ trương, đường lối của Đảng	

	thông đã ban hành hướng dẫn triển khai thí điểm mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, bản, tổ dân phố; - Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia - Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 21/3/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã ban hành về Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”: <i>“Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai toàn diện, sâu rộng đến tận thôn, bản, tổ dân phố, tạo nên cuộc vận động toàn dân thi đua học tập, rèn luyện kỹ năng số, tích cực tham gia vào tiến trình chuyển đổi</i>		
--	---	--	--

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Quy định nội dung và mức chi phục vụ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh.	Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật sửa đổi bổ sung năm 2025 quy định HĐND tỉnh quy định chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	Đảm bảo hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất	Ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai
Quy định quy trình thực hiện	Luật Ngân sách nhà nước		

Số: /BC-STP

Gia Lai, ngày tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ
hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai
giai đoạn 2026 – 2030**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1119/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 02/4/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030 (*sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết*). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, trên cơ sở đối chiếu Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan;

Căn cứ Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP*), Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1.1. Về cơ sở chính trị

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Trong đó đặt ra mục tiêu đến năm 2030: “*Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế- xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới*”; “*Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*”.

1.2. Về cơ sở pháp lý

- Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

- Điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước quy định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương “1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn theo quy định tại điểm l khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước”.

Từ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý nêu trên và cơ sở thực tiễn được trình bày tại dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030 là cần thiết và có cơ sở.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Cơ bản, Sở Tư pháp thống nhất về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, để được hoàn thiện hơn, đề nghị Quý Sở cân nhắc nội dung sau:

2.1. Về phạm vi điều chỉnh, dự thảo quy định “*Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ cho các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030.*”, đề nghị Quý Sở cân nhắc, hoàn thiện như sau: “*Nghị quyết này quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030.*”.

2.2. Về đối tượng áp dụng, dự thảo quy định “*Tổ trưởng, tổ phó, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập theo quyết định của Chủ tịch Ủy*

ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh.”, đề nghị bỏ từ “*trên địa bàn tỉnh*” vì không cần thiết.

II. Sự phù hợp của nội dung dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

III. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

IV. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về thủ tục hành chính.

V. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trên cơ sở nội dung tham gia góp ý tại Công văn số 1383/STC-TCHCSN ngày 11/02/2026 và Công văn số 2695/STC-TCHCSN ngày 27/3/2026 của Sở Tài chính, Công văn số 1064/SNV-TCBC ngày 24/02/2026 của Sở Nội vụ, đề nghị Quý Sở giải trình, làm rõ các vấn đề về thực hiện nhiệm vụ, nguồn tài chính để đảm bảo tính khả thi của văn bản.

VI. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Cơ bản, dự thảo đảm bảo về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Tuy nhiên, để hoàn thiện hơn, Quý Sở nên cân nhắc điều chỉnh thêm một số nội dung sau:

1.1. Về tên gọi của dự thảo Nghị quyết

Đề nghị bỏ đường kẻ ngang phía dưới tên gọi của văn bản.

1.2. Về căn cứ văn bản để ban hành Nghị quyết

- Đề nghị bổ sung “*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*” để dự thảo được đầy đủ hơn.

- Chỉnh sửa nội dung “Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày... tháng... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày... tháng... năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;”

thành

“Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày... tháng... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày... tháng... năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;”

1.3. Về nội dung của dự thảo

- Đối với nội dung về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1 của dự thảo), đề nghị Quý Sở điều chỉnh theo khoản 2 Mục I của Báo cáo này.

- Tên gọi Điều 2 của dự thảo, đề nghị cân nhắc điều chỉnh từ **“Điều 2. Nội dung hỗ trợ”** thành **“Điều 2. Nội dung, mức hỗ trợ”**.

- Điều 3 của dự thảo quy định “*Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) theo quy định.*”, đề nghị bỏ từ “*chính sách*”.

- Khoản 1 Điều 4 của dự thảo quy định “*1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn theo thẩm quyền*”. Nội dung này đã được Sở Tài chính tham gia ý kiến, trong phụ lục giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia góp ý, Quý Sở nêu tiếp thu và chỉnh sửa thành “*1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;*”. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết chưa được điều chỉnh, đề nghị Quý Sở rà soát, điều chỉnh cho phù hợp.

1.4. Về nơi nhận của dự thảo

Đề nghị chỉnh sửa “*Như Điều 6*” thành “*Như Điều 4*”, “*Cổng thông tin điện tử*” thành “*Cổng thông tin điện tử tỉnh*”; bỏ các chủ thể “*Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp), Trung tâm Công báo tỉnh Gia Lai;*”, bổ sung “*Sở Tư pháp, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh*”.

2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

VII. Điều kiện trình dự thảo Nghị quyết cho UBND tỉnh

Đề nghị Quý Sở hoàn thiện nội dung thẩm định tại Báo cáo này để dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, P.NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Như Ý

Số: /BC-SKHCN

Gia Lai, ngày tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
Quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng
trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Bối cảnh quốc tế, khu vực liên quan đến chính sách:

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu đối với các quốc gia nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước và chất lượng đời sống Nhân dân. Thực tiễn cho thấy chuyển đổi số không chỉ là nhiệm vụ của cơ quan nhà nước hay doanh nghiệp công nghệ mà đòi hỏi sự tham gia tích cực của toàn xã hội, nhất là ở cấp cơ sở, nơi trực tiếp hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số thiết yếu.

- Bối cảnh trong nước:

Ở trong nước, Đảng và Nhà nước đã xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, chiến lược. Các văn bản như Quyết định số 749/QĐ-TTg, Quyết định số 411/QĐ-TTg, Quyết định số 1690/QĐ-TTg, Công văn số 793/BTTTT-THH và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW đều xác định rõ vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong phổ cập kỹ năng số, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số thiết yếu; đồng thời triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”.

Trên phạm vi cả nước, việc ban hành chính sách đối với Tổ Công nghệ số cộng đồng thời gian qua nhìn chung đã được quan tâm và từng bước hoàn thiện theo hướng gắn với lộ trình chuyển đổi số quốc gia. Ở cấp Trung ương, các chủ trương, chương trình và kế hoạch về chuyển đổi số đã tạo cơ sở chính trị, pháp lý để các địa phương thành lập, kiện toàn, tập huấn và phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng; đáng chú ý, Tổ Công nghệ số cộng đồng tiếp tục được xác định là một thành phần của Mạng lưới chuyển đổi số rộng khắp từ Trung ương đến cơ sở theo Quyết định 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023, đồng thời được lồng ghép trong các chương trình bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai có thể thấy chính sách hỗ trợ hiện vẫn chủ yếu do địa phương chủ động cụ thể hóa

thông qua các kế hoạch, quyết định thành lập, bố trí kinh phí hoạt động, tập huấn, huy động lực lượng đoàn thể và cơ chế phối hợp tại cơ sở; mức độ quan tâm, nội dung hỗ trợ và điều kiện bảo đảm hoạt động giữa các tỉnh, thành phố còn chưa đồng đều. Điều này cho thấy cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế hỗ trợ theo hướng thống nhất hơn về tổ chức, nhiệm vụ, nguồn lực và chính sách động viên để Tổ Công nghệ số cộng đồng thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong phổ cập kỹ năng số, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số và thúc đẩy chuyển đổi số từ cơ sở.

Một số địa phương đã có bước đi cụ thể trong việc ban hành cơ chế hỗ trợ cho Tổ Công nghệ số cộng đồng. Điển hình, thành phố Đà Nẵng đã ban hành chính sách riêng để hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06; theo đó, HĐND thành phố đã ban hành Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 trên địa bàn, sau đó tiếp tục cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025, trong đó quy định mức hỗ trợ 300.000 đồng/Tổ/tháng giai đoạn 2026–2027, thể hiện sự quan tâm rõ nét về nguồn lực và cơ chế động viên lực lượng ở cơ sở.

Tại tỉnh Gia Lai, Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, trong đó có Kế hoạch số 22-KH/TU, Kế hoạch số 01-KH/BCĐ, Kế hoạch số 19/KH-UBND và Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 về Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030”, xác định Tổ công nghệ số cộng đồng là lực lượng nòng cốt ở cơ sở. Theo số liệu tổng hợp, trước sắp xếp đơn vị hành chính tỉnh đã thành lập 1.604 Tổ với 5.007 thành viên; sau sắp xếp, đến nay 135/135 xã, phường đã thành lập, kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng với 1.255 thành viên. Các Tổ đã tham gia hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin mạng và phổ cập kỹ năng số.

Tuy nhiên, hiện nay tỉnh chưa có văn bản quy phạm pháp luật ở cấp tỉnh quy định thống nhất chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ CNSCĐ; việc bảo đảm nguồn lực thực hiện chủ yếu lồng ghép trong các chương trình, nhiệm vụ hoặc huy động theo khả năng của địa phương. Điều này dẫn đến một số khó khăn, hạn chế: (i) chưa có cơ sở pháp lý ổn định để bố trí, tổng hợp dự toán và quản lý kinh phí hỗ trợ Tổ CNSCĐ; (ii) mức độ quan tâm, điều kiện bảo đảm giữa các địa phương có thể chưa đồng đều; (iii) khó gắn hỗ trợ với nhiệm vụ, kết quả/KPI theo Đề án 3306 và các chỉ tiêu chuyển đổi số của tỉnh.

Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ CNSCĐ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030 là cần thiết để tạo cơ sở pháp lý và bảo đảm nguồn lực thực thi.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý ở cấp tỉnh để quy định thống nhất hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Tạo điều kiện, động lực để Tổ công nghệ số cộng đồng duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở.

- Góp phần thực hiện các chỉ tiêu về chuyển đổi số, phổ cập kỹ năng số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, định danh điện tử và Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh.

- Bảo đảm việc hỗ trợ đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch, đúng mục đích, phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Chính sách 1: Hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030

1. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Không ban hành Nghị quyết quy định hỗ trợ

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Không phát sinh văn bản quy phạm pháp luật mới ở cấp tỉnh, nhưng tiếp tục duy trì khoảng trống pháp lý trong việc quy định thống nhất hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; khó bảo đảm tính ổn định, đồng bộ trong tổ chức thực hiện.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Không làm phát sinh thêm nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trong ngắn hạn; tuy nhiên, việc thiếu cơ chế hỗ trợ ổn định sẽ làm giảm động lực của lực lượng kiêm nhiệm, tự nguyện; khó duy trì cường độ hoạt động thường xuyên của Tổ, ảnh hưởng đến hiệu quả hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ số, làm chậm tiến độ thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số của tỉnh.

- Tác động về giới (nếu có):

Chính sách không phân biệt giới; việc không ban hành không tạo ra tác động giới trực tiếp. Tuy nhiên, do không tăng cường được hỗ trợ phổ cập kỹ năng số ở cơ sở nên khả năng tiếp cận công nghệ số của các nhóm yếu thế, trong đó có phụ nữ ở vùng khó khăn, ít nhiều vẫn bị hạn chế. Đây là tác động gián tiếp.

- Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):

Không phát sinh thủ tục mới, nhưng tiếp tục duy trì cách thức lồng ghép, vận dụng, thanh quyết toán phân tán giữa các địa phương, thiếu thống nhất trong thực hiện.

b) Giải pháp 2: Ban hành Nghị quyết quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Tạo cơ sở pháp lý thống nhất, cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và thẩm quyền của HĐND tỉnh trong việc quy định chính sách, biện pháp phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Giải pháp này làm phát sinh chi ngân sách địa phương để hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng. Tuy nhiên, khoản chi có mục tiêu rõ ràng, trực tiếp phục vụ nhiệm vụ chuyển đổi số ở cơ sở. Việc hỗ trợ sẽ góp phần tạo động lực cho tổ trưởng, tổ phó, thành viên Tổ; duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục; nâng cao hiệu quả hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, VNeID, thanh toán số, kỹ năng số và an toàn thông tin mạng; qua đó tạo hiệu quả lan tỏa về kinh tế - xã hội, cải cách hành chính và xây dựng xã hội số.

Mặt khác, chính sách góp phần thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ thực hiện các chỉ tiêu của tỉnh về phổ cập kỹ năng số và Phong trào “Bình dân học vụ số”.

- Tác động về giới (nếu có):

Chính sách áp dụng chung, không phân biệt giới. Tác động tích cực gián tiếp là tăng cơ hội tiếp cận kỹ năng số, dịch vụ số cho mọi người dân, bao gồm phụ nữ, người cao tuổi, người dân vùng khó khăn.

- Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):

Có phát sinh yêu cầu về rà soát số lượng Tổ, tổng hợp nhu cầu kinh phí, phân bổ, thanh quyết toán và đánh giá kết quả hoạt động hằng năm ở cấp xã, phường; tuy nhiên, nội dung này đã được dự thảo thiết kế theo hướng lồng ghép với quy trình lập dự toán ngân sách hằng năm, không hình thành thủ tục hành chính mới đối với người dân, doanh nghiệp.

c) Một số rủi ro, tác động cần lưu ý khi thực hiện giải pháp 2

Có thể tạo áp lực đối với ngân sách địa phương nếu không được cân đối phù hợp theo từng năm.

Nếu thiếu hướng dẫn cụ thể về xác nhận ngày công, nội dung chi, chứng từ thanh quyết toán, có thể phát sinh khó khăn trong triển khai ở cấp cơ sở.

Cần bảo đảm nguyên tắc không trùng lặp với các khoản chi hỗ trợ khác; trường hợp trùng lặp, thành viên chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

Cần tăng cường cơ chế theo dõi, đánh giá hiệu quả để chính sách gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương.

2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Qua phân tích nêu trên, giải pháp tối ưu được lựa chọn là ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030.

Lý do lựa chọn:

- Phù hợp chủ trương, định hướng của Trung ương và yêu cầu thực tiễn của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Khắc phục khoảng trống pháp lý hiện nay về cơ chế hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.
- Tạo cơ sở thống nhất để bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở.
- Tạo động lực cho lực lượng trực tiếp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận công nghệ số, dịch vụ số; góp phần thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2026 – 2030.

III. PHỤ LỤC

Đính kèm các phụ lục sau:

- Bảng so sánh giữa phương án không ban hành và phương án ban hành Nghị quyết.
- Bảng tổng hợp cơ sở pháp lý, chủ trương, đường lối có liên quan.
- Bảng tổng hợp số lượng Tổ công nghệ số cộng đồng, số lượng thành viên trên địa bàn tỉnh.
- Bảng dự kiến nhu cầu kinh phí hỗ trợ hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng giai đoạn 2026 – 2030.
- Bảng dự trù mức chi hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tư pháp (để thẩm định);
- Giám đốc Sở (để b/c);;
- Lưu: VT, P.CDS&BCVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Thảo

BẢNG SO SÁNH
Giữa phương án không ban hành và phương án ban hành Nghị quyết

STT	Tiêu chí so sánh	Phương án 1: Không ban hành Nghị quyết	Phương án 2: Ban hành Nghị quyết
1	Cơ sở pháp lý	Không có cơ sở pháp lý thống nhất ở cấp tỉnh để hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.	Tạo cơ sở pháp lý thống nhất, rõ ràng để tổ chức thực hiện hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.
2	Tính ổn định trong tổ chức thực hiện	Việc hỗ trợ chủ yếu lỏng lẻo, phụ thuộc khả năng từng địa phương, thiếu ổn định.	Việc hỗ trợ được thực hiện thống nhất, có căn cứ để lập dự toán, phân bổ và thanh quyết toán kinh phí.
3	Nguồn lực bảo đảm hoạt động	Không có cơ chế hỗ trợ riêng, khó duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục.	Có nguồn lực hỗ trợ cụ thể theo mức quy định tại dự thảo, góp phần duy trì hoạt động của Tổ.
4	Tác động đến thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng	Thành viên chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm, tự nguyện, dễ giảm động lực tham gia lâu dài.	Tạo điều kiện và động lực để tổ trưởng, tổ phó, thành viên Tổ tích cực tham gia, nâng cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.
5	Tác động đến người dân, doanh nghiệp	Hiệu quả hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán số, kỹ năng số còn hạn chế, không đồng đều.	Tăng hiệu quả hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số thiết yếu.
6	Tác động đến mục tiêu chuyển đổi số của tỉnh	Khó bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chỉ tiêu chuyển đổi số ở cơ sở.	Góp phần thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số, phổ cập kỹ năng số, xây dựng xã hội số trên địa bàn tỉnh.
7	Tác động về kinh tế - ngân sách	Không phát sinh khoản chi mới từ ngân sách địa phương trong ngắn hạn.	Phát sinh chi ngân sách địa phương để hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.
8	Hiệu quả lâu dài	Tiết kiệm chi ngân sách trước mắt nhưng hiệu quả hỗ trợ chuyển đổi số ở cơ sở không bền vững.	Chi ngân sách có mục tiêu, tạo hiệu quả lan tỏa lâu dài về cải cách hành chính, chuyển đổi số và phát triển xã hội số.
9	Rủi ro, hạn chế	Duy trì khoảng trống pháp lý; thiếu thống nhất giữa các địa phương; khó duy trì động lực hoạt	Có thể tạo áp lực ngân sách, cần cơ chế hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và thanh quyết toán chặt chẽ.

		động của Tổ.	
10	Mức độ phù hợp	Chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn 2026–2030.	Phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn và định hướng chuyển đổi số của tỉnh trong giai đoạn 2026–2030.

BẢNG TỔNG HỢP

Cơ sở pháp lý, chủ trương, đường lối có liên quan đến hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030

STT	Văn bản	Cơ quan ban hành	Nội dung liên quan chính
1	Luật Tổ chức chính quyền địa phương	Quốc hội	Quy định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của chính quyền địa phương; là cơ sở để HĐND, UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện tại địa phương.
2	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025	Quốc hội	Quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh; là căn cứ pháp lý trực tiếp để xây dựng báo cáo đánh giá tác động.
3	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Quốc hội	Bổ sung, hoàn thiện quy định về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của dự thảo nghị quyết.
4	Luật Ngân sách nhà nước	Quốc hội	Là căn cứ để xác định nguồn kinh phí, nguyên tắc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.
5	Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ	Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; là căn cứ trực tiếp cho hồ sơ xây dựng nghị quyết.
6	Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh.
7	Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh.
8	Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020	Thủ tướng Chính phủ	Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm; đặt nền tảng cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và

	phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030		yêu cầu phổ cập kỹ năng số cho người dân.
9	Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Thủ tướng Chính phủ	Đề ra mục tiêu phát triển xã hội số, kỹ năng số cộng đồng, thúc đẩy sự tham gia của người dân vào môi trường số.
10	Quyết định số 1690/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Thủ tướng Chính phủ	Là một trong các văn bản định hướng, thúc đẩy triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng và các nhiệm vụ chuyển đổi số ở cơ sở.
10	Công văn số 793/BTTTT- THH	Bộ Thông tin và Truyền thông	Hướng dẫn triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng; xác định vai trò của lực lượng này trong tuyên truyền, hỗ trợ người dân sử dụng nền tảng số, dịch vụ số.
11	Kế hoạch số 01- KH/BCĐTW về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”	Ban Chỉ đạo Trung ương	Xác định phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, phát huy vai trò lực lượng tại cơ sở trong phổ cập tri thức và kỹ năng số cho người dân.
12	Kế hoạch số 22- KH/TU	Tỉnh ủy Gia Lai	Cụ thể hóa chủ trương của Trung ương về chuyển đổi số, làm cơ sở chính trị cho việc triển khai các nhiệm vụ tại địa phương.
13	Kế hoạch số 01- KH/BCĐ	Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	Triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, trong đó có nội dung phát huy vai trò lực lượng hỗ trợ tại cơ sở.
14	Kế hoạch số 19/KH-UBND	UBND tỉnh Gia Lai	Cụ thể hóa các nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh, gắn với việc nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ người dân, doanh

			nghiệp tại cơ sở.
15	Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 về Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030”	UBND tỉnh Gia Lai	Xác định lực lượng đoàn viên, thanh niên là nòng cốt trong chuyển đổi số cộng đồng; là cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc đề xuất hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

BẢNG TỔNG HỢP
Số lượng Tổ công nghệ số cộng đồng, số lượng thành viên
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

STT	Đơn vị	Số lượng Tổ CNSCĐ	Số thành viên/ Tổ	Tổng số thành viên ước tính	Ghi chú
1	Tỉnh Gia Lai	135	15 đến 20	Từ 2.025 đến 2.700	

Cách tính:

- Tổng số thành viên tối thiểu: $135 \times 15 = 2.025$ thành viên
- Tổng số thành viên tối đa: $135 \times 20 = 2.700$ thành viên

BẢNG DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ
Chi hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng
trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030

STT	Năm	Số lượng Tổ	Mức hỗ trợ/Tổ/tháng (đồng)	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí/năm (đồng)
1	2026	135	12.000.000	12	19.440.000.000
2	2027	135	12.000.000	12	19.440.000.000
3	2028	135	12.000.000	12	19.440.000.000
4	2029	135	12.000.000	12	19.440.000.000
5	2030	135	12.000.000	12	19.440.000.000
Tổng cộng					97.200.000.000

BẢNG DỰ TRÙ MỨC CHI HOẠT ĐỘNG TỔ CÔNG NGHỆ SỐ CÔNG ĐỒNG

STT	Nội dung chi	Mức chi	Số lượng thành viên mỗi Tổ	Số ngày thực hiện/tháng (03 hoạt động)	Tổng/Tổ/tháng
1	Hỗ trợ nước uống, xăng xe	50.000 đồng/ngày/người	20	10	10.000.000
2	Hỗ trợ mua các gói dịch vụ viễn thông, liên lạc <i>(Nhận 5GB data/ngày, miễn phí cuộc gọi nội mạng < 20 phút, miễn phí 5 phút ngoại mạng, miễn phí SMS nội mạng (tham khảo gói 1N của Viettel)</i>	10.000 đồng/ngày/người	20	10	2.000.000
	Tổng cộng=				12.000.000

Dự trù kinh phí 1 năm = 135 Tổ × 12.000.000 đồng/Tổ/tháng × 12 tháng = 19.440.000.000 đồng/năm.

(Số hoạt động, chương trình/tháng xác định theo phân bổ chỉ tiêu của Tỉnh đoàn Gia Lai tại Văn bản số 201/CV/TĐTN ngày 26/02/2026 về việc phân bổ hệ thống chỉ tiêu và danh mục các hoạt động trọng tâm thực hiện Đề án 3306 trong năm 2026)

BÁO CÁO

Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030

Theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030 tại Báo cáo số 249/BC-STP ngày 03/4/2026, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ TIẾP THU VÀ CHỈNH SỬA THEO Ý KIẾN THẨM ĐỊNH

1. Về phạm vi điều chỉnh, dự thảo quy định “*Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ cho các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030.*”, đề nghị Quý Sở cân nhắc, hoàn thiện như sau: “*Nghị quyết này quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030.*”.

* Sở KH&CN đã thực hiện điều chỉnh tại khoản 1, Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị Quyết.

2. Về đối tượng áp dụng, dự thảo quy định “*Tổ trưởng, tổ phó, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh.*”, đề nghị bỏ từ “*trên địa bàn tỉnh*” vì không cần thiết.

* Sở KH&CN đã thực hiện điều chỉnh tại khoản 2, Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị Quyết.

3. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trên cơ sở nội dung tham gia góp ý tại Công văn số 1383/STC-TCHCSN ngày 11/02/2026 và Công văn số 2695/STC-TCHCSN ngày 27/3/2026 của Sở Tài chính, Công văn số 1064/SNV-TCBC ngày 24/02/2026 của Sở Nội vụ, đề nghị

Quý Sở giải trình, làm rõ các vấn đề về thực hiện nhiệm vụ, nguồn tài chính để đảm bảo tính khả thi của văn bản.

Nội dung này Sở Khoa học và Công nghệ làm rõ như sau:

3.1. Đối với ý kiến của Sở Nội vụ tại Công văn số 1064/SNV-TCBC ngày 24/02/2026 “Về hình thức hỗ trợ: đề nghị cân nhắc thêm việc tham mưu, định hướng **chính sách theo hướng hỗ trợ Tổ công nghệ số theo hoạt động, nhiệm vụ cụ thể được giao**; hỗ trợ trang thiết bị, tập huấn, chi phí triển khai...thay vì quy định hình thức hỗ trợ khoán chi hàng tháng cho cá nhân như dự thảo hiện nay, **để tránh hình thành cơ chế hỗ trợ mang tính thường xuyên tương tự phụ cấp người hoạt động không chuyên trách cấp xã và phát sinh nghĩa vụ chi thường xuyên kéo dài...**”.

* Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu và điều chỉnh tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết thành “Hỗ trợ hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan trong hệ thống chính trị ở cơ sở và các thôn, làng, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai, với mức hỗ trợ 12.000.000 đồng/Tổ/tháng”.

Lý do:

- Phụ cấp Người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố, khu vực theo Nghị quyết 73/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 (tỉnh Gia Lai trước sắp xếp), Nghị quyết 41/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 (tỉnh Bình Định trước sắp xếp) là chế độ theo chức danh, còn việc hỗ trợ theo dự thảo Nghị quyết này là hỗ trợ cho một nhiệm vụ hoàn toàn mới là chuyển đổi số cộng đồng.

- Việc hỗ trợ khoán theo Tổ vừa bảo đảm đơn giản trong quản lý, vừa khuyến khích tổ chức hoạt động hiệu quả. Sau khi Nghị quyết được ban hành, UBND tỉnh sẽ giao cho cơ quan chuyên môn thực hiện hướng dẫn cụ thể việc hỗ trợ, bảo đảm người tham gia tích cực được ghi nhận tương xứng.

3.2. Đối với ý kiến của tại Sở Tài chính Công văn số 2695/STC-TCHCSN ngày 27/3/2026 “Sở Tài chính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, đánh giá lại số lượng ngày tham gia thực tế/tháng và số lượng thành viên Tổ cộng đồng, bảo đảm tính hợp lý, phù hợp với tình hình triển khai thực tế. Trên cơ sở đó, tiếp tục rà soát chính sách hỗ trợ theo dự thảo Nghị quyết, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và tính khả thi khi triển khai thực hiện sau khi Nghị quyết được ban hành.”

* Thực hiện ý kiến kết luận tại cuộc họp ngày 01/4/2026 do Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì, Sở KH&CN đã tiếp thu và rà soát Số hoạt động, chương

trình/tháng được đề xuất xác định theo phân bổ chỉ tiêu của Tỉnh đoàn Gia Lai tại Văn bản số 201/CV/TĐTN ngày 26/02/2026 về việc phân bổ hệ thống chỉ tiêu và danh mục các hoạt động trọng tâm thực hiện Đề án 3306 trong năm 2026: Mỗi tổ được giao 03 hoạt động/tháng. Mỗi hoạt động dự kiến kế hoạch triển khai trong 3 - 4 ngày/hoạt động (mỗi tháng đề xuất Tổ triển khai hoạt động trong 10 ngày). Việc hỗ trợ cho các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng để thực hiện nhiệm vụ căn cứ theo số lượng thành viên tham gia hoạt động và kế hoạch do cấp có thẩm quyền ban hành, kinh phí đề xuất 01 năm khoảng 19.440.000.000 đồng/năm: $(12.000.000 \text{ đồng/tổ/tháng} * 135 \text{ tổ} = 1.620.000.000 \text{ đồng/tháng} * 12 \text{ tháng})$.

4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

4.1. Về tên gọi của dự thảo Nghị quyết

Đề nghị bỏ đường kẻ ngang phía dưới tên gọi của văn bản, Sở KH&CN ***đã thực hiện điều chỉnh bỏ đường kẻ ngang phía dưới tên gọi của văn bản***

4.2. Về căn cứ văn bản để ban hành Nghị quyết

- Đề nghị bổ sung “*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*” để dự thảo được đầy đủ hơn.

- Chỉnh sửa nội dung “*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày... tháng...năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày... tháng... năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;”

thành

“*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày... tháng...năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày... tháng... năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*”

* Sở KH&CN đã tiếp thu thực hiện bổ sung vào dự thảo Nghị Quyết.

4.3. Về nội dung của dự thảo

- Đối với nội dung về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1 của dự thảo), đề nghị Quý Sở điều chỉnh theo khoản 2 Mục I của Báo cáo này.

- Tên gọi Điều 2 của dự thảo, đề nghị cân nhắc điều chỉnh từ **“Điều 2. Nội dung hỗ trợ”** thành **“Điều 2. Nội dung, mức hỗ trợ”**.

- Điều 3 của dự thảo quy định *“Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) theo quy định.”*, đề nghị bỏ từ *“chính sách”*.

- Khoản 1 Điều 4 của dự thảo quy định *“1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn theo thẩm quyền”*. Nội dung này đã được Sở Tài chính tham gia ý kiến, trong phụ lục giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia góp ý, Quý Sở nêu tiếp thu và chỉnh sửa thành *“1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;”*. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết chưa được điều chỉnh, đề nghị Quý Sở rà soát, điều chỉnh cho phù hợp.

* Sở KH&CN đã thực hiện điều chỉnh, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

4.4. Về nơi nhận của dự thảo

Đề nghị chỉnh sửa *“Như Điều 6”* thành *“Như Điều 4”*, *“Cổng thông tin điện tử”* thành *“Cổng thông tin điện tử tỉnh”*; bỏ các chủ thể *“Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp), Trung tâm Công báo tỉnh Gia Lai;”*, bổ sung *“Sở Tư pháp, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh”*.

* Sở KH&CN đã thực hiện cập nhật, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

II. NHỮNG NỘI DUNG KHÁC VỚI Ý KIẾN THẨM ĐỊNH

Không có.

Trên đây là báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030, Sở Khoa học và Công nghệ kính báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, P.CĐS&BCVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Thảo

Gia Lai, ngày 02 tháng 4 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO
Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ Công nghệ số
cộng đồng trên địa tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ cho các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030. 2. Đối tượng áp dụng: Tổ trưởng, tổ phó, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh.	Quy định rõ phạm vi và đối tượng áp dụng của chính sách để bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện. So với cách thể hiện của các địa phương đã ban hành Nghị quyết, dự thảo Gia Lai mở rộng phạm vi phù hợp với đặc thù địa bàn tỉnh, xác định cụ thể đối tượng được hưởng chính sách là Tổ trưởng, Tổ phó và thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập.
Điều 2. Nội dung hỗ trợ Hỗ trợ hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan trong hệ thống chính trị ở cơ sở và các thôn, làng, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai, với mức hỗ trợ 12.000.000 đồng/Tổ/tháng.	Đây là nội dung trọng tâm của chính sách. Việc quy định theo hướng khoán chi, gắn với số lượng thành viên thực tế tham gia và kế hoạch được cấp có thẩm quyền ban hành, nhằm tạo cơ sở pháp lý để các địa phương chủ động triển khai, thanh quyết toán và kiểm soát kinh phí. Mức hỗ trợ được xây dựng để góp phần bù đắp một phần chi phí thực tế phục vụ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng như nước uống, xăng xe, liên lạc, phục vụ yêu cầu tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia chuyển đổi số tại cơ sở. Quy định mức tối đa theo Tổ/tháng nhằm bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện, đồng thời phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) theo quy định.	Quy định nguồn kinh phí thực hiện để bảo đảm cơ sở triển khai chính sách. dự thảo xác định nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác (nếu có), phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước.
Điều 4. Tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn theo thẩm quyền. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện và giám sát nhằm bảo đảm Nghị quyết được triển khai đồng bộ, hiệu quả, đúng thẩm quyền. Nội dung này kế thừa cách thiết kế điều khoản tổ chức thực hiện theo hướng ngắn gọn, rõ trách nhiệm của cơ quan tổ chức thực hiện và cơ quan giám sát.
Điều 5. Hiệu lực thi hành Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030.	Quy định cụ thể thời gian hiệu lực thi hành để làm rõ thời điểm áp dụng chính sách và thời hạn thực hiện trong giai đoạn 2026–2030, tạo thuận lợi cho công tác bố trí kinh phí, tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết và đánh giá hiệu quả chính sách trong từng năm ngân sách.

BÁO CÁO

Tổng hợp và giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình công tác trọng tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2026; Thông báo số 68/TB-UBND ngày 01/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Hải Giang tại cuộc họp về cập nhật thông tin trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh và triển khai thực hiện Đề án Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030;

Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030; tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan đối với dự thảo Nghị quyết (*Công văn số 0425/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 09/02/2026 và Công văn số 500/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 13/02/2026 về việc xin ý kiến về dự thảo Nghị quyết do Hội đồng nhân dân ban hành*).

Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị về dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

1. Tình hình tham gia góp ý của các cơ quan

- Số cơ quan, đơn vị gửi lấy ý kiến: **142** đơn vị (Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Tỉnh đoàn Gia Lai, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh);
- Số đơn vị có văn bản góp ý dự thảo Nghị quyết: **72** cơ quan, đơn vị; trong đó: **63** cơ quan, đơn vị có ý kiến thống nhất với dự thảo và có **09** cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý, với tổng cộng có **25** ý kiến góp ý tham gia.

2. Nội dung góp ý, tiếp thu và giải trình

Trên cơ sở 25 ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, Sở Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết. Nội dung tiếp thu, giải trình cụ thể được thể hiện tại **Phụ lục** kèm theo Báo cáo này.

Sở Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Kèm theo: dự thảo Nghị quyết, văn bản góp ý của các cơ quan đơn vị)./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Thành viên Tổ soạn thảo;
- Lưu: VT, CDS&BCVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Thảo

PHỤ LỤC
Tổng hợp ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, địa phương đối với dự thảo
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của
Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SKHCN ngày 02/4/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên cơ quan; văn bản tham gia góp ý	Số lượng ý kiến	Nội dung tham gia góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
1.	Sở Nội vụ <i>(Công văn số 1064/SNV-TCBC ngày 24/02/2026)</i>	05	Về căn cứ pháp lý làm cơ sở lấy ý kiến: việc Sở Khoa học và Công nghệ viện dẫn quy định tại điểm d Khoản 1 Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung bởi nghị định số 187/2025/NĐ-CP để làm căn cứ đề nghị Sở Nội vụ cho ý kiến là chưa phù hợp quy định vì Điều 49 quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo Quyết định của UBND cấp tỉnh, trong khi dự thảo đang gửi lấy ý kiến là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.	Thống nhất, tiếp thu và đã điều chỉnh
			Đề nghị cơ quan tham mưu tiếp tục làm rõ hơn về tính cấp thiết ban hành chính sách trong bối cảnh hiện nay khi đã có các cơ chế, chương trình hỗ trợ chuyển đổi số đang triển khai; phạm vi điều chỉnh đảm bảo không trùng lặp nhiệm vụ, trách nhiệm của đội ngũ công chức cấp xã, không hình thành chế độ phụ cấp thường xuyên...nhằm tăng tính thuyết phục, tính hợp lý và tính cần thiết của chính sách.	Tiếp thu và bổ sung vào nội dung Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến chính sách theo mẫu số 09 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP
			Thiếu dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh; báo cáo đánh giá tác động chính sách... Vì vậy, đề nghị cơ quan tham mưu soạn thảo hoàn chỉnh đầy đủ thành phần hồ sơ theo đúng quy định trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét.	Đã xây dựng dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh theo mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP

			Luật Ngân sách nhà nước hiện hành quy định việc ban hành chính sách làm phát sinh nghĩa vụ chi từ ngân sách địa phương phải: “xác định rõ nguồn kinh phí đảm bảo; phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương; không làm tăng chi thường xuyên vượt định mức được giao”, do đó đề nghị cơ quan tham mưu đánh giá đầy đủ tác động ngân sách trong cả giai đoạn thực hiện, làm rõ cấp ngân sách bảo đảm và cơ chế phân bổ, đồng thời phối hợp gửi lấy ý kiến Sở Tài chính theo đúng quy trình quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện lấy ý kiến Sở Tài chính tại Văn bản số 425/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 09/02/2026 và Văn bản số 908/KHCN-CĐS&BCVT ngày 21/3/2026 theo đúng quy trình quy định
			Về hình thức hỗ trợ: đề nghị cân nhắc thêm việc tham mưu, định hướng chính sách theo hướng hỗ trợ Tổ công nghệ số theo hoạt động, nhiệm vụ cụ thể được giao; hỗ trợ trang thiết bị, tập huấn, chi phí triển khai... thay vì quy định hình thức hỗ trợ khoán chi hàng tháng cho cá nhân như dự thảo hiện nay, để tránh hình thành cơ chế hỗ trợ mang tính thường xuyên tương tự phụ cấp người hoạt động không chuyên trách cấp xã và phát sinh nghĩa vụ chi thường xuyên kéo dài...	Ngày 01/4/2026, UBND tỉnh tổ chức họp nghe báo cáo dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ hoạt động của Tổ CNSCĐ trên địa bàn tỉnh Gia Lai do Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Hải Giang chủ trì. Theo đó, cuộc họp đã thống nhất mức hỗ trợ 12.000.000 đồng/Tổ/tháng. Tổ soạn thảo đã tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết.
2.	Sở Tư pháp (Công văn số 507/STP-NV1 ngày 11/02/2026)	08	Về căn cứ văn bản để ban hành Nghị quyết: - Tại “<i>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;</i>”, đề nghị điều chỉnh thành “<i>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;</i>” để phù hợp với hướng dẫn tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP	Thống nhất tiếp thu và đã điều chỉnh

		được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. - Đề nghị bỏ “<i>Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ;</i>” vì văn bản này không liên quan đến nội dung của dự thảo Nghị quyết. - Tại nội dung “<i>Hội đồng nhân dân <u>tỉnh</u> ban hành Nghị Quyết quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</i>”, đề nghị bỏ từ “<i>tỉnh</i>” sau từ “<i>Hội đồng nhân dân</i>” để phù hợp với Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	
		- Tại khoản 1 Điều 1 của dự thảo quy định về đối tượng áp dụng “<i>Tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh</i>”. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 2 của dự thảo quy định đối tượng được hưởng chính sách là Tổ trưởng, tổ phó, thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng. Do đó, đề nghị Quý Sở nghiên cứu điều chỉnh đối tượng áp dụng của dự thảo được rõ ràng, cụ thể hơn để dễ áp dụng thực hiện.	Tiếp thu và điều chỉnh nội dung tại Khoản 2, Điều 1 như sau: “Thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh”
		- Điều 2 của dự thảo về nguyên tắc, nội dung hỗ trợ và mức chi, đề nghị Quý Sở làm rõ nội dung sau: + Về nguyên tắc, dự thảo quy định “<i>Việc hỗ trợ bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, sử dụng hiệu quả ngân sách và <u>không trùng lặp</u> với các khoản chi hỗ trợ khác</i>”. Đề nghị Quý Sở giải trình, thuyết minh trong	Tổ soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

		trường hợp trùng lặp với các khoản chi hỗ trợ khác thì thực hiện theo quy định nào nhằm đảm bảo tính rõ ràng. + Về nội dung chi và mức chi, đề nghị Quý Sở giải trình, thuyết minh cụ thể cơ sở nào để xây dựng mức chi này. Ngoài ra, qua tham khảo một số tỉnh quy định chính sách này như Đà Nẵng (hỗ trợ 300.000đồng/tổ/tháng) và Cà Mau (720.000đồng/tổ/tháng).	
		- Tại Điều 5 của dự thảo quy định “<i>Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ <u>ngày 01 tháng 01 năm 2026</u></i>”. Đề nghị Quý Sở rà soát thời điểm có hiệu lực của dự thảo Nghị quyết để đảm bảo theo quy định. Bởi vì, tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: <i>“Điều 53. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật</i> <i>1. Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; <u>không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.</u></i> <i><u>Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành; đồng thời phải được đăng tải ngay trên công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng.</u></i>”	Thông nhất, tiếp thu và đã điều chỉnh

		Do đó, để phù hợp với quy định nêu trên, đề nghị Quý Sở lưu ý: (i) Trường hợp dự thảo được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn thì thời điểm có hiệu lực của văn bản có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua nhưng phải được trình bày cụ thể bằng ngày ... tháng ... năm ... <i>(theo quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 78/2028/NĐ-CP)</i>. (ii) Trường hợp dự thảo xây dựng không theo trình tự, thủ tục rút gọn thì thời điểm có hiệu lực của văn bản không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua nhưng phải được trình bày cụ thể bằng ngày ... tháng ... năm ... <i>(theo quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 78/2028/NĐ-CP)</i>. - Tại Điều 5, Điều 6 của dự thảo, đề nghị Quý Sở có thể hoàn chỉnh như sau: “Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn theo thẩm quyền. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Điều 6. Hiệu lực thi hành Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030. <i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa, kỳ họp thứ... thông qua ngày ... tháng... năm 2026./</i>	
--	--	---	--

			Về nơi nhận văn bản Đề nghị điều chỉnh “- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;” thành “Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp”.	Thống nhất, tiếp thu và đã điều chỉnh
			Hồ sơ tổ chức lấy ý kiến tham gia góp ý đối với dự thảo chưa đảm bảo theo quy định. Đồng thời, qua nghiên cứu Công văn số 425/SKHCHN-CĐS&BCVT ngày 09/02/2026 nêu trên, thành phần lấy ý kiến chưa đảm bảo. Do đó, để hồ sơ dự thảo được đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, đề nghị Quý Sở nội dung sau:	
			(1) Bổ sung dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh (theo mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).	Thống nhất, tiếp thu, bổ sung hoàn thiện hồ sơ
			(2) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (theo mẫu số 08 hoặc mẫu số 09 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).	Đơn vị dự thảo đã xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến chính sách theo mẫu số 09 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP
			(3) Bổ sung Bản so sánh, thuyết minh nội dung của dự thảo (theo mẫu số 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).	Thống nhất, tiếp thu, bổ sung Bản so sánh, thuyết minh nội dung của dự thảo theo ý kiến góp ý

			(4) Đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian ít nhất 10 để lấy ý kiến theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP	Thống nhất, tiếp thu đã đề nghị đăng tải tại Văn bản số 0500/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 13/02/2026
			(5) Tổ chức lấy ý kiến của Sở Nội vụ theo quy định tại điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 49 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Thống nhất, tiếp thu, thực hiện tổ chức lấy ý kiến tại Văn bản số 0500/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 13/02/2026
			(6) Tổ chức lấy ý kiến đối tượng tác động của dự thảo là Ủy ban nhân dân cấp xã.	Thống nhất, tiếp thu, thực hiện tổ chức lấy ý kiến tại Văn bản số 0500/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 13/02/2026
			(7) Lấy ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh theo quy định tại Điều 6 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Thống nhất, tiếp thu, thực hiện tổ chức lấy ý kiến tại Văn bản số 500/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 13/02/2026
			(8) Theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 26 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình. Vì vậy, sau khi hoàn thành quy trình tổ chức lấy ý kiến của dự thảo, đề nghị Quý Sở gửi hồ sơ xây dựng dự thảo đến Sở Tư pháp để tổ chức thẩm định. Thành phần hồ sơ, đề nghị thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.	Thống nhất, tiếp thu và sẽ gửi hồ sơ xây dựng dự thảo đến Sở Tư pháp để tổ chức thẩm định sau khi hoàn thành quy trình tổ chức lấy ý kiến của dự thảo
3.	Văn phòng UBND tỉnh	01	Đề nghị xem xét điều chỉnh, bổ sung như sau: 1. Phạm vi điều chỉnh: “Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ cho các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng để thực	Thống nhất tiếp thu và đã điều chỉnh

	(Công văn số 258/VPUBND-PVHCC ngày 11/02/2026)		hiện nhiệm vụ chuyển đổi số cho các cơ quan trong hệ thống chính trị ở cơ sở và các thôn, làng, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030”.	
4.	Sở Tài chính (Công văn số 1383/STC-TCHCSN ngày 11/02/2026 và Công văn số 2695/STC-TCHCSN ngày 27/3/2026)	03	Về quy định mức chi hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại dự thảo Nghị quyết: Để có cơ sở tham gia ý kiến đối với mức chi, Sở Tài chính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thuyết minh rõ căn cứ, cơ sở thực tiễn xây dựng mức chi xây dựng tại dự thảo Nghị quyết; đồng thời dự kiến tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách theo mức đề xuất làm cơ sở để Sở Tài chính tham gia ý kiến về nguồn kinh phí theo quy định.	Thống nhất tiếp thu và đã bổ sung thuyết minh rõ căn cứ, cơ sở thực tiễn xây dựng mức chi xây dựng tại dự thảo Báo cáo đánh giá thực trạng có liên quan đến dự thảo Nghị quyết.
			Về quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết (quy định về quy trình thực hiện): Sở Tài chính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét sự cần thiết quy định nội dung này trong dự thảo Nghị quyết. Lý do: Tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết, nêu: “Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn theo thẩm quyền.” Như vậy, thẩm quyền tổ chức triển khai và ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện đã được giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh. Do đó, Sở Tài chính đề nghị sau khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về tổ chức triển khai thực hiện, trong đó quy định cụ thể về quy trình thực hiện, bảo đảm phù hợp thẩm quyền trong tổ chức thực hiện.	Đã nghiên cứu, điều chỉnh thành “Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết”
			Tại hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Sở Khoa học và Công nghệ dự kiến kinh phí hỗ trợ cho Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh tối đa trong 01 năm là 32.400.000.000	Ngày 01/4/2026, UBND tỉnh tổ chức họp nghe báo cáo dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ hoạt động của

			đồng, tương ứng mức hỗ trợ tối đa 20.000.000 đồng/Tổ/tháng (135 Tổ, 12 tháng). Mức kinh phí này được xác định trên cơ sở như sau: 60.000 đồng/người/ngày $\times$ 16 ngày hoạt động/Tổ/tháng $\times$ 20 người/Tổ $\times$ 12 tháng $\times$ 135 tổ. Theo Công văn số 408/BTC-NSNN ngày 12/01/2026 của Bộ Tài chính về hỗ trợ kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách trên địa bàn tỉnh Gia Lai, đối với việc ban hành các chế độ, chính sách đặc thù của Tỉnh do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, theo thẩm quyền quy định tại điểm h, điểm l, khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước, kinh phí do ngân sách địa phương đảm bảo, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Đồng thời, năm 2026 là năm kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Gia Lai là địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương và năm 2026 Trung ương không tăng kinh phí bổ sung cho ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ được giao, trong khi các nhiệm vụ do ngân sách tỉnh tự đảm bảo ngày càng phát sinh nhiều. Do đó, để đảm bảo tính ổn định cân đối ngân sách địa phương, Sở Tài chính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, đánh giá lại số lượng ngày tham gia thực tế/tháng và số lượng thành viên Tổ cộng đồng, bảo đảm tính hợp lý, phù hợp với tình hình triển khai thực tế. Trên cơ sở đó, tiếp tục rà soát chính sách hỗ trợ theo dự thảo Nghị quyết, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và tính khả thi khi triển khai thực hiện sau khi Nghị quyết được ban hành.	Tổ CNSCĐ trên địa bàn tỉnh Gia Lai do Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Hải Giang chủ trì. Theo đó, cuộc họp đã thống nhất mức hỗ trợ 12.000.000 đồng/Tổ/tháng. Số hoạt động, chương trình/tháng được đề xuất xác định theo phân bổ chỉ tiêu của Tỉnh đoàn Gia Lai tại Văn bản số 201/CV/TĐTN ngày 26/02/2026 về việc phân bổ hệ thống chỉ tiêu và danh mục các hoạt động trọng tâm thực hiện Đề án 3306 trong năm 2026: 03 hoạt động/tháng. Mỗi hoạt động dự kiến kế hoạch triển khai trong 3 - 4 ngày/hoạt động (mỗi tháng đề xuất tối đa 10 ngày).
5.		03	Về nguyên tắc, nội dung và mức chi hỗ trợ (Điều 2) - Cân nhắc quy định gắn mức hỗ trợ với yêu cầu báo cáo kết quả hoạt động, chỉ tiêu cụ thể (ví dụ: số lượt hướng	Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thông qua, cơ quan được giao chủ trì tham mưu sẽ có văn bản

	UBND phường Bình Định (Công văn số 323/UBND- VHXH ngày 25/02/2026)		dẫn người dân, tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ người dân được phổ cập kỹ năng số...) để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. - Bổ sung quy định trường hợp thành viên không tham gia hoạt động thường xuyên hoặc không hoàn thành nhiệm vụ thì xem xét giảm hoặc tạm dừng hỗ trợ (giao UBND cấp xã quy định cụ thể trong quy chế hoạt động).	hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai, thực hiện.
			Về quy trình thực hiện (Điều 3) Đề nghị bổ sung quy định: + UBND cấp xã ban hành kế hoạch hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng hằng năm gắn với chỉ tiêu chuyển đổi số của địa phương. + Có biểu mẫu thống nhất để tổng hợp, báo cáo, làm căn cứ thanh quyết toán kinh phí.	
			Về nguồn kinh phí thực hiện (Điều 4) Đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp cơ quan tài chính đánh giá kỹ khả năng cân đối ngân sách cấp xã, nhất là đối với các địa phương có số lượng thôn, tổ dân phố lớn, bảo đảm tính khả thi khi triển khai đồng loạt trên toàn tỉnh.	
6.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai (Công văn số 224/MTTQ-BTT ngày 27/02/2026)		Tại khoản 2, Điều 1 quy định về “Đối tượng áp dụng”: Đề nghị bổ sung đối tượng “Tổ trưởng, tổ phó” vào trước cụm từ “Thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng”. Nội dung viết lại thành: “Tổ trưởng, tổ phó, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng”	Thống nhất, tiếp thu và đã điều chỉnh nội dung tại khoản 2, Điều 1 quy định thành “Tổ trưởng, tổ phó, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập theo quyết định

				của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh”
7.	UBND Xã Chư Pưh (Công văn số 325/UBND-VHXH ngày 25/02/2026)	03	Về mức chi hỗ trợ (tại Điều 2): UBND xã thống nhất với mức chi hỗ trợ khoán hằng tháng cho Tổ trưởng là 1.500.000đ/tháng; đề xuất Tổ phó 1.300.000đ/tháng và Thành viên là 1.000.000đ/tháng. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung quy định về định mức công việc tối thiểu hoặc kết quả đầu ra (KPI) để làm căn cứ chi trả. Việc này nhằm đảm bảo tính công bằng và hiệu quả của nguồn ngân sách nhà nước (có thể điều chỉnh linh hoạt mức chi tối đa).	Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện điều chỉnh nội dung tại Điều 2 của Nghị quyết như đã trình bày ở trên
			Về nguyên tắc hỗ trợ (tại Điều 2): Dự thảo nêu quy định không trùng lặp với các khoản chi hỗ trợ khác. Tại cấp xã, nhiều thành viên Tổ CNSCĐ đồng thời là cán bộ, công chức chuyên trách tại xã, Trưởng thôn, Bí thư Chi đoàn đang hưởng lương, hỗ trợ, phụ cấp hàng tháng. Đề nghị làm rõ mức hỗ trợ tại dự thảo này là khoản hỗ trợ đặc thù cho nhiệm vụ chuyển đổi số, không tính vào các khoản phụ cấp, hỗ trợ chức danh hiện có để khuyến khích cán bộ kiêm nhiệm tham gia tích cực.	Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện lấy ý kiến Sở Tài chính tại Văn bản số 425/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 09/02/2026 và Văn bản số 908/KHCN-CĐS&BCVT ngày 21/3/2026 theo đúng quy trình quy định nên không điều chỉnh đối với nội dung này
			- Theo dự thảo, kinh phí được bố trí từ ngân sách địa phương theo phân cấp. Đối với cấp xã, đề nghị tỉnh xem xét cơ chế hỗ trợ từ ngân sách 100% từ cấp trên để đảm bảo nguồn chi trả kịp thời, không gây áp lực cho cân đối ngân sách cấp xã. - Về quy trình thanh toán, chi trả: Đề nghị Tỉnh đoàn, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính ban hành hướng dẫn về hồ sơ thanh toán đơn giản nhất (ví dụ: Bảng chấm công hoạt động hoặc Báo cáo kết quả tháng	Đơn vị soạn thảo đã điều chỉnh nội dung tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết: “Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) theo quy định”. Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thông qua, đơn vị được giao chủ trì tham mưu có văn bản

			có xác nhận của UBND xã) để phù hợp với khả năng của thành viên Tổ CNSCĐ tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai, thực hiện
8.	UBND phường Thống Nhất (Công văn số 428/UBND-PVHXXH ngày 02/03/2026)	02	- Tại phần căn cứ, đề nghị tách căn cứ “Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;” thành 02 căn cứ độc lập, mỗi căn cứ xuống dòng riêng theo đúng quy định của Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05-03-2020 về công tác văn thư.	Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện lấy ý kiến Sở Tư pháp tại Văn bản số 0425/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 09/02/2026 theo đúng quy trình quy định nên không điều chỉnh đối với nội dung này
			- Đề nghị đơn vị soạn thảo kiểm tra lại các nội dung sai lỗi chính tả, ví dụ: Nghị Quyết;...;Đoạn cuối văn bản “năm 2026./.”: đề nghị bỏ dấu đóng ngoặc kép sau cụm từ “năm 2026./.”	Thống nhất tiếp thu và đã chỉnh sửa
9.	UBND phường Quy Nhơn Đông (Công văn số 772/CV-UBND ngày 24/03/2026)	01	- Xem xét, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí, phân bổ bổ sung nguồn kinh phí từ ngân sách cấp trên hoặc cân đối trong dự toán chi thường xuyên còn lại của tỉnh để hỗ trợ các địa phương triển khai thực hiện chính sách; - Có hướng dẫn cụ thể về lộ trình thực hiện, cơ chế phân bổ và sử dụng nguồn kinh phí bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của từng cấp; - Trường hợp chưa bảo đảm nguồn lực, đề nghị nghiên cứu phương án thực hiện thí điểm hoặc phân kỳ theo từng giai đoạn nhằm giảm áp lực ngân sách trong năm đầu triển khai.	Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện lấy ý kiến của các thành viên Tổ soạn thảo và Sở Tài chính tại Văn bản số 908/KHCN-CĐS&BCVT ngày 21/3/2026; qua đó điều chỉnh nguồn kinh phí thực hiện tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết: “Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) theo quy định”.